

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
Số: 39 /2023/GCNDKHD-TCGDNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT**

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: *VietNam Railway college*

Thuộc: *Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam*

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 02/167 Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội*

Điện thoại: 0243 8710384;

Fax: 0243 8710384

Website: *caodangduongsat.edu.vn*

Email: *truongtrongvuong2023@gmail.com*

Địa chỉ phân hiệu:

- *Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt phía Nam: Số 07, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;*

- *Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng: phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.*

Quyết định thành lập trường: *Số 79/QĐ-LĐTBXH ngày 12/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

Quyết định đổi tên trường: *Số 130/QĐ-LĐTBXH ngày 07/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

2. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

a) Tại trụ sở chính: *Số 02/167 Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội*



TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng			
1	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	6510110	30	Cao đẳng
		5510110	80	Trung cấp
2	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông đường sắt đô thị	5510111	30	Trung cấp
II	Nhóm nghề sơ cấp Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng			
1	Xây dựng đường sắt		100	Sơ cấp
2	Bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt đô thị		80	Sơ cấp
3	Thi công đặt ray đường sắt đô thị		80	Sơ cấp
III	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	5510215	40	Trung cấp
2	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe	5510214	15	Trung cấp
IV	Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Vận hành cần trục		40	Sơ cấp
2	Vận hành máy xúc		80	Sơ cấp
3	Khám chữa toa xe		100	Sơ cấp
4	Bảo dưỡng, sửa chữa tàu điện		80	Sơ cấp
5	Sửa chữa đầu máy		40	Sơ cấp

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
6	Hàn		80	Sơ cấp
7	Cắt gọt kim loại		40	Sơ cấp
V	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Điện dân dụng	5520226	30	Trung cấp
2	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	5520255	30	Trung cấp
VI	Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Sửa chữa hệ thống điện đường sắt đô thị		80	Sơ cấp
2	Lắp đặt, sửa chữa thiết bị lạnh		80	Sơ cấp
VII	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	80	Cao đẳng
VIII	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý			
1	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt	6340408	30	Cao đẳng
IX	Nhóm ngành, nghề Khai thác vận tải			
1	Thông tin tín hiệu đường sắt	6840122	30	Cao đẳng
		5840122	30	Trung cấp
2	Lái tàu đường sắt	6840124	35	Cao đẳng
		5840124	30	Trung cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
3	Lái tàu điện	5840127	30	Trung cấp
4	Điều hành chạy tàu hỏa	6840125	30	Cao đẳng
		5840125	40	Trung cấp
5	Điều hành đường sắt đô thị	6840128	40	Cao đẳng
		5840128	30	Trung cấp
			100	Sơ cấp
6	Thông tin tín hiệu đường sắt		40	Sơ cấp
X	Nhóm nghề sơ cấp Khai thác vận tải			
1	Lái xe nâng hàng		80	Sơ cấp
2	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt		80	Sơ cấp
3	Gác ghi, ghép nối đầu máy toa xe		100	Sơ cấp
4	Nhân viên phục vụ trên tàu, dưới ga		40	Sơ cấp
5	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt		150	Sơ cấp
6	Vận tải hành khách đường sắt đô thị		80	Sơ cấp
7	Thông tin tín hiệu đường sắt đô thị		80	Sơ cấp
XI	Nhóm nghề sơ cấp Thể dục, thể thao			
1	Kỹ thuật golf		40	Sơ cấp

b) Tại phân hiệu Cao đẳng Đường sắt phía Nam: Số 07 đường Lý Thường Kiệt, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Kế toán - Kiểm toán			
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	100	Cao đẳng
II	Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin			
1	Quản trị mạng máy tính	6480209	40	Cao đẳng
III	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	6510215	30	Cao đẳng
2	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng toa xe	5510214	35	Trung cấp
IV	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt	5520188	20	Trung cấp
2	Cắt gọt kim loại		45	Sơ cấp
3	Hàn		60	Sơ cấp
V	Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
1	Khám chữa toa xe		60	Sơ cấp
2	Vận hành cần trục		40	Sơ cấp
VI	Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Điện công nghiệp	6520227	40	Cao đẳng

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	40	Trung cấp
VII	Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông			
1	Lắp đặt, sửa chữa thiết bị lạnh		60	Sơ cấp
2	Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp		60	Sơ cấp
VIII	Nhóm ngành, nghề Khai thác vận tải			
1	Lái tàu điện	5840127	30	Trung cấp
2	Lái tàu đường sắt	5840124	30	Trung cấp
3	Điều hành chạy tàu hỏa	5840125	50	Trung cấp
4	Thông tin tín hiệu đường sắt		45	Sơ cấp
IX	Nhóm nghề sơ cấp Khai thác vận tải			
1	Lái xe nâng hàng		80	Sơ cấp
2	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt		60	Sơ cấp
3	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt		40	Sơ cấp
4	Lái xe ô tô hạng B2		1.470	Sơ cấp
5	Lái xe ô tô hạng C		320	Sơ cấp
X	Nhóm nghề sơ cấp Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng			
1	Xây dựng đường sắt		60	Sơ cấp

c) Tại phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng: Phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	Nhóm ngành, nghề Quản trị - Quản lý			
1	Quản trị kinh doanh vận tải đường sắt	6340408	20	Cao đẳng
II	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng			
1	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	5510110	75	Trung cấp
III	Nhóm nghề sơ cấp Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng			
1	Xây dựng đường sắt		50	Sơ cấp
IV	Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí			
1	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	5510215	20	Trung cấp
V	Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật			
2	Khám chữa toa xe		50	Sơ cấp
VI	Nhóm ngành, nghề Khai thác vận tải			
1	Thông tin tín hiệu đường sắt	6840122	20	Cao đẳng
		5840122	25	Trung cấp
2	Điều hành chạy tàu hỏa	6840125	20	Cao đẳng
		5840125	25	Trung cấp

3	Lái tàu đường sắt	5840124	20	Trung cấp
VII	Nhóm nghề sơ cấp Khai thác vận tải			
1	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt		50	Sơ cấp
2	Nhân viên phục vụ trên tàu, dưới ga		50	Sơ cấp
3	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt		50	Sơ cấp

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 14a/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 09/10/2020; 14b/2020/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/9/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp./.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Việt Hương

Ghi chú:

Quy mô tuyển sinh/năm của các nghề đào tạo trình độ sơ cấp được cấp trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp này là quy mô tối đa Nhà trường được phép tuyển sinh và tổ chức đào tạo trong năm./.